

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ**

Mã hồ sơ:



Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒;

Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Kinh tế;

Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **VŨ ĐÌNH KHOA**

2. Ngày tháng năm sinh: 14/04/1980

Nam ☒; Nữ;

Quốc tịch: **Việt Nam**

Dân tộc: **Kinh**

Tôn giáo: **Không**

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: **xã Nam Hồng, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định**

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **Số 24, tổ 21, P. Quan Hoa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội**

6. Địa chỉ liên hệ: **1110, HHB, KĐT. Tân Tây Đô, Tân Lập - Đan Phượng - TP. Hà Nội**

Điện thoại di động: **0985699369;**

E-mail: yudinhkhoa@hau.edu.vn

7. Quá trình công tác:

Stt	Thời gian	Chức danh	Đơn vị công tác
1	07/2003 ÷ 07/2008	Giáo viên trung học	Khoa Kinh tế
2	08/2008 ÷ 06/2010	Giảng viên, Trưởng bộ môn	Khoa Kinh tế
3	07/2010 ÷ 12/2019	Giảng viên, Phó Trưởng khoa	Khoa Quản lý kinh doanh
4	01/2020 ÷ 06/2023	Giảng viên, Trưởng khoa	Khoa Quản lý kinh doanh
5	07/2023 ÷ 06/2024	Giảng viên chính, Trưởng khoa	Khoa Quản lý kinh doanh
6	07/2024 ÷ Nay	Giảng viên chính, Phó Hiệu trưởng	Trường Kinh tế

- Chức vụ: Hiện nay: **Phó hiệu trưởng trường Kinh tế**, Chức vụ cao nhất đã qua: **Phó hiệu trưởng trường Kinh tế**

- Cơ quan công tác hiện nay: **Trường Kinh tế, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội**

Địa chỉ cơ quan: **Số 298 đường Cầu Diễn, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội**

Điện thoại cơ quan: **0243.7655.391**

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): **Không**

8. Đã nghỉ hưu: **Đang làm việc**

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày **24 tháng 06 năm 2002**; số văn bằng: **B378205**; ngành:

Kinh tế, chuyên ngành: **Kế hoạch**; Nơi cấp bằng ĐH: **ĐH Kinh tế quốc dân, Việt Nam.**

- Được cấp bằng ThS ngày **21 tháng 01 năm 2009**; số văn bằng: **QM007903**; ngành: **Kinh tế**; chuyên ngành: **Kinh tế chính trị**; Nơi cấp bằng ThS: **Trường ĐH Kinh tế - ĐH Quốc gia Hà Nội, Việt Nam.**

- Được cấp bằng TS ngày **01 tháng 03 năm 2016**; số văn bằng: **005918**; ngành: **Kinh tế**; chuyên ngành: **Kinh tế phát triển**; Nơi cấp bằng TS: **Đại học Kinh tế quốc dân, Việt Nam.**

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: **Chưa**

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: **Trường ĐH Công nghiệp HN**

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: **Kinh tế**

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Với tư cách là một giảng viên và nhà khoa học công tác tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, một trong những cơ sở giáo dục đại học uy tín của đất nước, tôi xác định cho mình một lộ trình nghiên cứu khoa học, không chỉ đáp ứng các tiêu chuẩn học thuật khắt khe mà còn hướng đến trả lời các câu hỏi thực tiễn của kinh tế - xã hội. Quá trình nghiên cứu của tôi bắt đầu với Kinh tế học ứng dụng, xuất phát từ nỗ lực vận dụng lý thuyết và công cụ định lượng để giải quyết các vấn đề thực tiễn của nền kinh tế vĩ mô và các cụm ngành công nghiệp tại Việt Nam. Từ nền tảng vĩ mô đó, nhận thức về tầm quan trọng ngày càng tăng của năng lực cạnh tranh doanh nghiệp đã dẫn dắt tôi đến hướng nghiên cứu thứ hai: Quản trị chuỗi cung ứng. Tại đây, tôi tập trung vào việc tối ưu hóa dòng chảy vật chất và thông tin, hướng tới các mô hình hiệu quả và bền vững như quản trị tinh gọn và chuỗi cung ứng xanh. Cuối cùng, tôi nhận thấy thành công của một tổ chức còn phụ thuộc sâu sắc vào các yếu tố "mềm". Điều này đã hình thành hướng nghiên cứu thứ ba về Quản trị tri thức và Hành vi tổ chức, nơi tôi đi sâu phân tích tác động của lãnh đạo và văn hóa đến các hành vi then chốt của nhân viên.

Những định hướng nghiên cứu này, tôi và cộng sự đã công bố được 36 bài báo khoa học trên các tạp chí và kỷ yếu hội thảo khoa học trong nước và quốc tế. Trong đó, có 14 bài báo khoa học được đăng trên các tạp chí khoa học uy tín thuộc danh mục ISI/Scopus (cụ thể: 08 bài báo thuộc danh mục SSCI/ESCI và 06 bài báo thuộc danh mục Scopus), như: *Journal of Business & Industrial Marketing* (SSCI, Q1, IF: 4.3, Citescore = 7.6); *Asia Pacific Journal of Marketing and Logistics* (SSCI, Q1, IF: 5.1, Citescore = 8.7); *Asia-Pacific Journal of Business Administration* (ESCI, Q1, IF: 4.6, Citescore = 9.6); *Journal of Business-to-Business Marketing* (SSCI, Q2, IF: 2.0, Citescore = 2.2). Các hướng nghiên cứu cụ thể gồm:

Hướng nghiên cứu 1: Kinh tế học ứng dụng (Applied Economics)

Xuất phát từ nỗ lực vận dụng các lý thuyết kinh tế học, kinh tế học hiện đại và công cụ phân tích định lượng để giải quyết các vấn đề thực tiễn của nền kinh tế Việt Nam. Các công trình khoa học trong hướng này tập trung vào một số chủ đề chính, có tính liên kết và

kế thừa lẫn nhau là kinh tế học, kinh tế học ứng dụng và nghiên cứu chuyên sâu về cụm ngành công nghiệp.

Trong lĩnh vực kinh tế học và kinh tế học ứng dụng, ứng viên đã xây dựng một nền tảng kiến thức vững chắc thông qua quá trình biên soạn các giáo trình. Các giáo trình này hệ thống hóa các khái niệm cốt lõi như tổng cung và tổng cầu, phân tích sự biến động của giá cả và sản lượng để đạt được trạng thái cân bằng kinh tế. Ứng viên cũng đi sâu vào các chính sách điều tiết vĩ mô như chính sách tài khóa và tiền tệ, nhằm ổn định nền kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng và kiểm soát lạm phát.

Trong lĩnh vực cụm ngành công nghiệp (industrial cluster), các nghiên cứu của ứng viên đặc biệt tập trung vào các yếu tố cấu thành và ảnh hưởng đến sự hình thành, và phát triển cụm ngành công nghiệp nói chung và cụm ngành công nghiệp điện tử nói riêng. Tác giả đã chỉ ra rằng các yếu tố như nguồn nhân lực, môi trường kinh doanh, tiếp cận tài chính, công nghệ, cơ sở hạ tầng và văn hóa hợp tác đều đóng vai trò then chốt. Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng mặc dù niềm Bắc, Việt Nam đã thành công thu hút các tập đoàn công nghệ hàng đầu thế giới đầu tư trực tiếp, như: Samsung, Foxconn, LG, Canon,... nhưng các cụm ngành công nghiệp vẫn còn tự phát và thiếu liên kết chặt chẽ với doanh nghiệp nội địa. Các rào cản chính bao gồm năng lực công nghệ, quản trị doanh nghiệp, và hạ tầng kỹ thuật. Để khắc phục, ứng viên đề xuất nhiều giải pháp từ việc lựa chọn ngành trọng điểm đến cải cách thủ tục hành chính và hỗ trợ chính sách. Để kiểm định các giả thuyết khoa học, ứng viên sử dụng các mô hình kinh tế lượng để phân tích tác động của đầu tư, chính sách thương mại, đổi mới công nghệ và thể chế đến sự phát triển của doanh nghiệp và nền kinh tế.

Ứng viên đã có những đóng góp đáng kể trong việc kết nối lý thuyết kinh tế học với thực tiễn thông qua các công trình nghiên cứu chất lượng. Những nghiên cứu này không chỉ làm giàu thêm tri thức khoa học mà còn cung cấp cơ sở khoa học quan trọng cho việc hoạch định và thực thi các chính sách phát triển kinh tế bền vững tại Việt Nam.

Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học theo hướng nghiên cứu 1, bao gồm:

- ❖ Hướng dẫn 01 HVCH: Số thứ tự [3], trong mục 4 (1/6 HVCH)
- ❖ Sách phục vụ đào tạo: Số thứ tự [1], [3], [4], [5], [6], trong mục 5 (5/7 sách)
- ❖ Đề tài khoa học: Số thứ tự [3] trong mục 6 (1/5 đề tài)
- ❖ Bài báo khoa học: Số thứ tự [1], [2], [3], [4], [5], [6], [7], [9], trong mục 7 (08/36 bài báo).

Hướng nghiên cứu 2: Quản trị chuỗi cung ứng (Supply chain management)

Xuất phát từ nhận thức về tầm quan trọng ngày càng tăng của Quản trị chuỗi cung ứng đối với năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập, ứng viên đã xác định đây là một trong những hướng nghiên cứu của mình. Hướng đi này, ứng viên tập trung vào việc giải quyết các bài toán quản trị cụ thể, tối ưu hóa dòng chảy vật chất và thông tin nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động cho các doanh nghiệp.

Quá trình nghiên cứu của ứng viên được triển khai một cách tuần tự và có hệ thống. Ban đầu, ứng viên tập trung vào các vấn đề nền tảng như đo lường hiệu quả hoạt động logistics. Từ đó, ứng viên mở rộng sang các mô hình quản trị hiện đại và có tính bền vững hơn như quản trị chuỗi cung ứng xanh và quản trị tinh gọn. Trọng tâm trong các nghiên cứu này là việc nhận diện, phân tích và kiểm định các yếu tố then chốt có ảnh hưởng đến hiệu quả của toàn bộ chuỗi cung ứng.

Một trong những đóng góp chính mà ứng viên tâm đắc trong hướng nghiên cứu này là việc làm rõ vai trò của sự hợp tác và gắn kết giữa các đối tác trong chuỗi. Bằng cách sử dụng các mô hình phân tích định lượng, các nghiên cứu đã cung cấp bằng chứng thực nghiệm cho thấy sự cộng tác đóng vai trò là một biến trung gian quan trọng, giúp khuếch đại tác động tích cực của quản trị tinh gọn đến hiệu quả hoạt động.

Thông qua các công trình này, ứng viên cung cấp được những luận cứ khoa học và gợi ý thiết thực cho các nhà quản lý doanh nghiệp, đặc biệt trong các ngành kinh tế mũi nhọn nhằm xây dựng và vận hành chuỗi cung ứng hiệu quả và bền vững.

Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học theo hướng nghiên cứu 2 bao gồm:

- ❖ Sách phục vụ đào tạo: Số thứ tự [2] trong mục 5 (1/7 sách)
- ❖ Bài báo khoa học: Số thứ tự [10], [11], [12], [16], [18], [20], [22], [24], [29], trong mục 7 (09/36 bài báo).
- ❖ Công trình nghiên cứu tiêu biểu theo định hướng nghiên cứu này, số thứ tự [24] mà UV là tác giả chính: *Examining the Relationship Between Supply Chain Integration, Innovation Speed and Supply Chain Performance Under Demand Uncertainty*, Engineering Management Journal, Vol. 36 No. 1 (02/2023), PP. 14-29, (**tạp chí SSCI, Q2, IF: 2.7, CiteScore: 5.6**).

Hướng nghiên cứu 3: Quản trị tri thức và Hành vi tổ chức (Knowledge Management, Organizational Behavior)

Với nhận thức thành công bền vững của một tổ chức không chỉ đến từ các yếu tố hữu hình mà còn phụ thuộc vào các yếu tố "mềm" và động lực bên trong, ứng viên đã dành một phần quan trọng trong nỗ lực nghiên cứu của mình cho hướng nghiên cứu này.

Trọng tâm hướng này, ứng viên làm sáng tỏ mối quan hệ đa chiều giữa các yếu tố lãnh đạo, văn hóa tổ chức và các hành vi quan trọng của nhân viên. Cụ thể, ứng viên đã tập trung vào việc kiểm định các mô hình lý thuyết về tác động của các phong cách lãnh đạo khác nhau (lãnh đạo chuyển đổi, lãnh đạo trao quyền, lãnh đạo đạo đức) đến hành vi đổi mới, hành vi công dân tổ chức và sự gắn kết của nhân viên. Đồng thời, ứng viên cũng đi sâu vào vai trò của các yếu tố trung gian và điều tiết như văn hóa tổ chức, trao quyền tâm lý và chia sẻ tri thức, nhằm cung cấp một cái nhìn sâu sắc và toàn diện hơn về các mối quan hệ này.

Phương pháp nghiên cứu chủ yếu ứng viên sử dụng là phân tích định lượng, thông

qua các mô hình phương trình cấu trúc (SEM) trên các bộ dữ liệu khảo sát. Cách tiếp cận này giúp ứng viên có thể kiểm định các mối quan hệ phức tạp và đưa ra những kết luận có độ tin cậy cao.

Hướng nghiên cứu này, ứng viên đóng góp những bằng chứng thực nghiệm từ bối cảnh Việt Nam, giúp các nhà quản lý có thêm cơ sở khoa học để xây dựng một môi trường làm việc tích cực, khuyến khích sự đổi mới, chia sẻ tri thức và cam kết từ phía nhân viên.

Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học theo hướng nghiên cứu 3, bao gồm:

- ❖ Hướng dẫn 05 HVCH: Số thứ tự [1], [2], [4], [5], [6] trong mục 4 (3/6 HVCH)
- ❖ Sách phục vụ đào tạo: Số thứ tự [7] trong mục 5 (1/7 sách)
- ❖ Đề tài khoa học: Số thứ tự [1], [2], [4], [5] trong mục 6 (4/5 đề tài)
- ❖ Bài báo khoa học: Số thứ tự [8], [13], [14], [15], [17], [19], [21], [23], [25], [26], [27], [28], [30], [31], [32], [33], [34], [35], [36], trong mục 7 (19/36 bài báo). Trong đó có **04 bài**, số thứ tự [25], [31], [34], [36] được đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín thuộc danh mục ISI/Scopus mà UV là tác giả chính, gồm:
 - + *Determinants of Radical and Incremental Innovation: The Roles of Human Resource Management Practices, Knowledge Sharing, and Market Turbulence*, Interdisciplinary Journal of Information, Knowledge, and Management, Volume 18 (2023), PP. 203-224 (**tạp chí ESCI, Q3, IF: 3.6**).
 - + *Knowledge sharing mediates relationship between collaborative culture and innovation performance: the moderating role of absorptive capacity*, Journal of Asia Business Studies, Vol. 19, No. 1 2025, pp. 272-288 (**tạp chí: ESCI, Q1, IF: 3.0, CiteScore: 6.2**).
 - + *Organizational Culture and Employees' Loyalty: An Emperical Research from an University Context*, International Journal of Religion, Vol 5, No. 6 (2024), PP. 118-135 (**tạp chí: Scopus (Q3)**).
 - + *The Impact of Corporate Social Responsibility on Employee Engagement and Intention to Quit: A Survery of Small and Medum Enterprise in Hanoi*, International Conference on Research in Management and Technovation - **This book series is indexed in Scopus**.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn: **06 HVCH** bảo vệ thành công luận văn ThS;
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: Số lượng **05 đề tài**, cụ thể:
 - + Chủ nhiệm: **02 đề tài NCKH cấp cơ sở**;
 - + Tham gia là thành viên thực hiện: **01 đề tài NCKH cấp Bộ/Sở**;
 - + Tham gia là thành viên thực hiện: **02 đề tài NCKH cấp Cơ sở**;
 - + Tham gia là thành viên thực hiện: 01 đề tài NCKH cấp Quốc gia do Quỹ

Nafosted tài trợ (*đang thực hiện*);

- Đã công bố **36 bài báo khoa học**, trong đó **14 bài báo khoa học** trên tạp chí quốc tế có uy tín, **05 bài báo** là tác giả chính.

- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản **07 cuốn**, thuộc nhà xuất bản có uy tín;

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

(i). Các danh hiệu thi đua:

Năm học	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định
2013 - 2014	Chiến sỹ thi đua cơ sở	Số QĐ: 1300/QĐ-ĐHCN ngày 15/08/2014 của Hiệu trưởng Trường ĐHCNHN
2014 - 2015	Chiến sỹ thi đua cơ sở	Số QĐ: 940/QĐ-ĐHCN ngày 20/08/2015 của Hiệu trưởng Trường ĐHCNHN
2016 - 2017	Chiến sỹ thi đua cơ sở	Số QĐ: 928/QĐ-ĐHCN ngày 15/08/2017; của Hiệu trưởng Trường ĐHCNHN
2017 - 2018	Chiến sỹ thi đua cơ sở	Số QĐ: 833/QĐ-ĐHCN ngày 20/8/2018; của Hiệu trưởng Trường ĐHCNHN
2018 - 2019	Chiến sỹ thi đua cơ sở	Số QĐ: 838/QĐ-ĐHCN Ngày 20/8/2019 của Hiệu trưởng Trường ĐHCN Hà Nội
2019 - 2020	Chiến sỹ thi đua cơ sở	Số QĐ: 747/QĐ-ĐHCN ngày 01/09/2020 của Hiệu trưởng Trường ĐHCN Hà Nội
2019 - 2020	Chiến sỹ thi đua cấp Bộ	Số QĐ: 3209/QĐ-BCT ngày 09/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Công thương
2021 - 2022	Chiến sỹ thi đua cơ sở	Số QĐ: 1029/QĐ-ĐHCN ngày 05/09/2022 của Hiệu trưởng Trường ĐHCN Hà Nội
2022 - 2023	Chiến sỹ thi đua cơ sở	Số QĐ: 1029/QĐ-ĐHCN ngày 08/08/2023 của Hiệu trưởng Trường ĐHCN Hà Nội
2023 - 2024	Chiến sỹ thi đua cơ sở	Số QĐ: 1283/QĐ-ĐHCN ngày 13/9/2024 của Hiệu trưởng Trường ĐHCN Hà Nội
2010-2024	Đạt danh hiệu Đảng viên đủ tư cách, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ các năm 2014, 2015, 2017, 2018, 2019, 2020, 2022, 2023, 2024.	
2010-2024	Đạt danh hiệu Đoàn viên công đoàn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ các năm 2014, 2015, 2017, 2018, 2019	

(ii). Các hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận khen thưởng, cơ quan ban hành
2015	Bằng khen	QĐ số 6825/QĐ-BCT ngày 03/07/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương
2016	Bằng khen	QĐ số 219/QĐ-CĐCT ngày 10/10/2016 của Ban chấp hành Công đoàn Công thương Việt Nam
2019	Bằng khen	QĐ số 216/QĐ-CĐCT ngày 16/10/2019 của Ban chấp hành Công đoàn Công thương Việt Nam
2019	Bằng khen	QĐ số 3088/QĐ-BCT ngày 11/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): **Không**.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Với hơn 20 năm tham gia sự nghiệp giáo dục (từ 07/2003 đến nay), trong đó: gần 17 năm giảng dạy đại học, tôi luôn gắn bó với sự phát triển của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội. Từ những ngày đầu trên bục giảng đến khi được Nhà trường tín nhiệm giao các trọng trách quản lý, tôi luôn tâm niệm rằng sự trưởng thành của bản thân phải song hành cùng sự lớn mạnh của sự nghiệp giáo dục, và Nhà trường. Với nhận thức đó, tôi luôn nỗ lực không ngừng để hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ.

(i). Về phẩm chất đạo đức

Tôi là một nhà giáo có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, luôn nghiêm túc chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước. Tôi nêu cao ý thức tổ chức kỷ luật, tuân thủ các quy định của nghề giáo, nội quy, quy chế và của Nhà trường, là một công dân gương mẫu, có tinh thần gắn bó, đoàn kết tại địa phương cư trú.

Tôi là giảng viên gương mẫu, lối sống trong sáng, lành mạnh. Trong công tác chuyên môn, tôi có tinh thần trách nhiệm cao, năng động, sáng tạo và tư duy đổi mới, dám nghĩ dám làm. Tôi sở hữu phương pháp làm việc khoa học, dân chủ và luôn tuân thủ nguyên tắc, qua đó đảm bảo hiệu quả và chất lượng công việc. Với đồng nghiệp, tôi luôn thể hiện tinh thần đoàn kết, hợp tác, sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm và hỗ trợ để cùng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chung. Đối với sinh viên và học viên, tôi là một người thầy tận tâm, nhiệt tình. Tôi không chỉ tích cực tư vấn học tập mà còn say mê hướng dẫn nghiên cứu khoa học, truyền cảm hứng và tạo điều kiện tốt nhất để người học phát triển toàn diện.

(ii). Về nhiệm vụ đào tạo

Trong sự nghiệp của mình, tôi luôn xác định công tác đào tạo là nhiệm vụ trọng tâm và thiêng liêng của người thầy giáo. Tôi có ý thức sâu sắc về việc tự học và tự bồi dưỡng, không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn để đáp ứng những yêu cầu ngày càng khắt khe của giáo dục đại học. Sự nỗ lực này không chỉ làm giàu kiến thức cho bản thân mà còn góp phần quan trọng vào việc xây dựng, phát triển các chương trình đào tạo theo hướng hiện đại, tiệm cận với các chuẩn mực quốc tế.

Triết lý giảng dạy của tôi là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa lý thuyết và thực tiễn. Các bài giảng của tôi luôn giàu tính học thuật nhưng đồng thời được gắn kết chặt chẽ với thực tế thông qua các ví dụ minh họa, nghiên cứu tình huống (case study) và các hoạt động trải nghiệm. Tôi là giảng viên tích cực áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực, lấy người học làm trung tâm. Thay vì truyền thụ kiến thức một chiều, tôi tổ chức các hoạt động học tập đa dạng như thảo luận nhóm, thuyết trình, học tập qua dự án để khơi dậy và phát huy tối đa năng lực tự chủ, tư duy phản biện và sự sáng tạo của sinh viên. Đứng lớp là sở thích, và mong muốn của cá nhân, là động lực giúp tôi luôn hoàn thành và vượt khối lượng giảng dạy theo định mức quy định trong nhiều năm.

Chính nhờ sự đầu tư nghiêm túc về chuyên môn và phương pháp sư phạm, nên chất lượng giảng dạy của tôi luôn được lãnh đạo, đồng nghiệp và nhiều thế hệ người học ghi nhận và đánh giá rất cao.

(iii). Về nhiệm vụ nghiên cứu khoa học

Với quan điểm rõ ràng về vai trò của nghiên cứu khoa học, tôi xác định đây là nhiệm vụ cốt lõi để một giảng viên đại học có thể thực sự làm chủ tri thức và hội nhập. Quan điểm này lý giải cho sự đầu tư nghiêm túc trong toàn bộ hoạt động khoa học của mình, xem nghiên cứu không chỉ là một nhiệm vụ bắt buộc mà còn là phương tiện để không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, cập nhật kiến thức và qua đó, nâng cao chất lượng đào tạo, đưa các tri thức hiện đại vào bài giảng.

Về số lượng, trong thời qua, tôi đã công bố 36 bài báo khoa học, 07 cuốn sách đã xuất bản; chủ nhiệm, tham gia 05 đề tài NCKH các cấp đã hoàn thành và nhiều lượt sinh viên, học viên cao học đã hướng dẫn thành công. Những con số này minh chứng cho sức làm việc bền bỉ và tinh thần cống hiến không ngừng nghỉ cho khoa học.

Về chất lượng, tôi không được đào tạo bài bản về phương pháp nghiên cứu khoa học, nhưng trong quá trình làm việc, tôi không ngừng học tập. Do đó, tôi không chỉ dừng lại ở số lượng công bố mà còn thể hiện chiều sâu và uy tín học thuật. Trong số 36 bài báo, có tới 14 bài được đăng trên các tạp chí quốc tế uy tín, với nhiều công trình thuộc danh mục SSCI/ESCI/Scopus có thứ hạng cao (Q1, Q2) thuộc các tạp chí uy tín, như: *Journal of Business & Industrial Marketing* (SSCI, Q1), *Journal of Asia Business Studies* (SSCI, Q2), và *Engineering Management Journal* (SSCI, Q2). Trong đó, tôi là tác giả chính của 05 bài báo quốc tế uy tín thuộc danh mục SSCI/ESCI/Scopus đã khẳng định vai trò dẫn dắt và khả năng nghiên cứu độc lập. Chất lượng các đề tài do tôi chủ nhiệm cũng được khẳng định bằng kết quả nghiệm thu "Xuất sắc".

Về sự đa dạng, năng lực nghiên cứu của tôi được thể hiện với 3 hướng nghiên cứu chính có sự liên kết logic, bao gồm: Kinh tế học ứng dụng, Quản trị chuỗi cung ứng, Quản trị tri thức, và Hành vi tổ chức. Sự đa dạng này cho thấy một tư duy khoa học có hệ thống, có khả năng tiếp cận vấn đề từ cấp độ vĩ mô (kinh tế học), (chuỗi cung ứng) đến vi mô (hành vi tổ chức). Bên cạnh đó, tôi còn thể hiện sự đa dạng trong các hình thức hoạt động khoa học khác như: Biên soạn sách, chủ trì và tham gia các đề tài nghiên cứu, hướng dẫn học viên, xây dựng chương trình đào tạo, và tham gia kết nối các cơ sở giáo dục đại học.

Về sự phát triển năng lực nghiên cứu, tôi nhận thấy mình đang có sự trưởng thành. Nếu giai đoạn trước khi có bằng tiến sĩ là thời kỳ tích lũy nền tảng với các nghiên cứu trong nước, thì giai đoạn sau khi nhận bằng tiến sĩ (từ 2016 đến nay) là một sự bứt phá mạnh mẽ. Tôi đã từng bước chuyển từ vai trò thành viên sang chủ nhiệm đề tài, từ đồng tác giả lên tác giả chính, và từ các công bố trong nước vươn tầm ra các tạp chí quốc tế uy tín.

(iv). Kết luận

Xuất phát từ tâm niệm rằng sự trưởng thành của cá nhân phải song hành cùng sự lớn mạnh của Nhà trường, tôi đã xây dựng một mô hình phát triển toàn diện, nơi các nhiệm vụ không tồn tại độc lập mà nuôi dưỡng lẫn nhau. Trong mô hình đó, nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học, và phục vụ cộng đồng; với những công bố quốc tế uy tín, không phải là mục tiêu tự thân mà là nguồn lực để làm chủ tri thức, từ đó trực tiếp nâng cao chất lượng giảng dạy và tham gia phát triển các chương trình đào tạo theo hướng hiện đại, đáp ứng yêu cầu của người học, và xã hội. Ngược lại, chính thực tiễn đào tạo, với triết lý gắn kết lý thuyết và thực tiễn, đã mang lại cho tôi những định hướng nghiên cứu thiết thực, có giá trị ứng dụng. Phẩm chất đạo đức, tinh thần trách nhiệm và sự tận tâm không chỉ là nền tảng cho uy tín cá nhân mà còn là công cụ để tôi trên mọi cương vị đảm nhiệm, tạo ra sự lan tỏa, kết nối đồng nghiệp và dẫn dắt các thế hệ người học.

Vì vậy, bản thân tôi luôn ý thức sâu sắc về trách nhiệm của một nhà giáo, nhà khoa học. Tôi cam kết sẽ tiếp tục nỗ lực cống hiến, luôn đặt lợi ích tập thể và sự nghiệp giáo dục chung lên trên hết.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo đại học và sau đại học: **16 năm 11 tháng** (08/2008 ÷ 06/2025).

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn giảng dạy quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2019 - 2020	0	0	02	09	90	105	195/425/189
2	2020 - 2021	0	0	01	10	90	30	120/291/162
3	2021 - 2022	0	0	01	15	90	0	90/318/162
03 năm học cuối								
4	2022 - 2023	0	0	01	15	90	0	90/320/162
5	2023 - 2024	0	0	02	09	45	45	90/318/162
6	2024 - 2025	0	0	01	06	0	90	90/254/162

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục

đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của GV cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: **Tiếng Anh**

a) Được đào tạo ở nước ngoài: **Không**

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☒

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

d) Đối tượng khác; ☐ Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): B2

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng HVCH/CK2/BSNT	Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
			Chính	Phụ			
1	Nguyễn Thị Thu Huyền	☒	☒		2023÷2024	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	22/11/2024
2	Trần Thu Thủy	☒	☒		2023÷2024		22/11/2024
3	Phạm Thị Bích Ngọc	☒	☒		2022÷2023		20/07/2023
4	Lưu Xuân Chính	☒	☒		2020÷2021		25/01/2022
5	Đoàn Quốc Khánh	☒	☒		2019÷2020		14/08/2020
6	Trần Thanh Hà	☒	☒		2018÷2019		08/08/2019

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
1	Kinh tế học đại cương	GT	NXB Giáo dục VN, 2013	3	☒	Chương 5 (103 ÷ 123), Chương 6 (124÷150)	Số 23/GXN-ĐHCN
2	Kế hoạch doanh nghiệp sản xuất	GT	NXB Thống kê, 2015	3	☒	Chương 1 (09 ÷ 44), Chương 3 (71 ÷ 92), Chương 6 (149 ÷167)	Số 22/GXN-ĐHCN

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
II	Sau khi được công nhận TS						
3	Lập và phân tích dự án đầu tư	GT	NXB Thông kê, 2016	3	☒	Chương 1 (13 ÷ 35), Đồng biên soạn Chương 2 (36 ÷ 58); Đồng biên soạn Chương 3 (59 ÷ 217)	Số 24/GXN- ĐHCN
4	Kinh tế học vĩ mô	GT	NXB Lao động – Xã hội, 2017	2	☒	Chương 1, 2, 3, 4, 5 (11 ÷ 154)	Số 25/GXN- ĐHCN
5	Kinh tế học vi mô	GT	NXB Thông kê, 2019	4	☒	Chương 1 (15 ÷ 42), Chương 5 (180 ÷ 208); Đồng biên soạn Chương 2 (43 ÷ 99); Đồng biên soạn Chương 3 (100 ÷ 129).	Số 26/GXN- ĐHCN
6	Kinh tế học ứng dụng	GT	NXB Thông kê, 2019	3	☒	Chương 1 (13 ÷ 51), Chương 3 (118 ÷ 166)	Số 27/GXN- ĐHCN
7	Lý thuyết quản trị kinh doanh	CK	NXB Thông kê, 2019	5		Chương 1 (09 ÷ 31)	Số 28/GXN- ĐHCN

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau TS: **Không**

- ❖ **Hướng nghiên cứu 1:** Số thứ tự [1], [3], [4], [5], [6] (5/7 sách)
- ❖ **Hướng nghiên cứu 2:** Số thứ tự [2]
- ❖ **Hướng nghiên cứu 3:** Số thứ tự [7]

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/ PCN/ TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
1	Nghiên cứu yếu tố lựa chọn trường Đại học của học sinh lớp 12 THPT tại miền Bắc	Chủ nhiệm	Mã số: 32.2013-RD/HĐ-ĐHCN, Cấp Trường	2013-2014	Biên bản thanh lý hợp đồng, ngày 20 tháng 6 năm 2014 Xếp loại: Xuất sắc
II	Sau khi được công nhận TS				
2	Niềm tin, nhận thức trách nhiệm xã hội trong mối quan hệ giữa doanh nghiệp với cơ sở đào tạo nhằm tạo cơ hội việc làm cho sinh viên tốt nghiệp	Chủ nhiệm	Mã số: 28-2018-RD/HĐ-ĐHCN, Cấp Trường	2018-2019	Biên bản thanh lý hợp đồng, ngày 31 tháng 12 năm 2019 Xếp loại: Xuất sắc
3	Nghiên cứu phát triển bền vững doanh nghiệp công nghiệp nhỏ và vừa tại thành phố Hà Nội	Thành viên	Mã số: 04-2019-RD/HĐ-ĐHCN, Cấp Trường	2019-2020	Biên bản thanh lý hợp đồng, ngày 22 tháng 10 năm 2020 Xếp loại: Khá
4	Nghiên cứu ảnh hưởng của yếu tố công bằng trong tổ chức đến năng lực đổi mới sáng tạo của giảng viên các trường Đại học	Thành viên	Mã số: 58-2022-RD/HĐ-ĐHCN, Cấp Trường	2022-2023	Biên bản thanh lý hợp đồng, ngày 26 tháng 2 năm 2024 Xếp loại: Khá
5	Nguyên cứu đề xuất một số giải pháp thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Bình	Thành viên	Mã số: TB-CT/XH07/23	2023-2024	Biên bản thanh lý hợp đồng, ngày 29 tháng 3 năm 2024 Xếp loại: Khá
6	Tăng cường khả năng đổi mới sáng tạo của các doanh nghiệp Việt Nam thông qua lãnh đạo chuyển đổi và lãnh đạo số: Vai trò của văn hóa hợp tác, văn hóa số và quản trị tri thức	Thành viên	502.02-2024.03 (ID: 11306)	2025-2026	Đang thực hiện

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố:

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
1	Vũ Đình Khoa , " <i>Nghiên cứu các yếu tố tạo thành cụm ngành công nghiệp tại Bắc Ninh</i> ".	1	x	Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc tế: "Creating new growth momentum: Strengthening FDI – Local enterprises linkages"			Trang 351-364	03/2014
2	Vũ Đình Khoa, Nguyễn Mạnh Cường , " <i>Cụm ngành công nghiệp (Industrial Cluster) một công cụ kế hoạch phát triển kinh tế địa phương</i> "	2	x	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, ISSN 1859 -3585.			Số 20 Trang 73-76	02/2014
3	Vũ Đình Khoa , " <i>Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển cụm ngành công nghiệp điện tử tại vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ</i> "	1	x	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, ISSN 1859 -3585, Trang 77 – 81			Số 24 Trang 77-81	10/2014
4	Vũ Đình Khoa , " <i>Khảo sát các yếu tố hình thành cụm ngành công nghiệp điện tử tại Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ</i> ".	1	x	Tạp chí Kinh tế và Dự báo, ISSN 0866 -7120			Số 22 Trang 37-39	11/2014
5	Vũ Đình Khoa, Nguyễn Minh Phương , " <i>Nghiên cứu các yếu tố lựa chọn trường Đại học của học sinh miền Bắc</i> ".	2	x	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, ISSN 1859 -3585.			số 25 Trang 84-91	12/2014

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
6	Vũ Đình Khoa , " <i>Kinh nghiệm phát triển cụm ngành công nghiệp của Nhật Bản, Trung Quốc bài học cho vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ</i> ".	1	x	Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc gia: “Phát triển cụm ngành công nghiệp trong điều kiện toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế			Trang 131-157	12/2014
7	Trịnh Chi Mai, Vũ Đình Khoa , " <i>Phát triển cụm ngành công nghiệp tại Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ</i> ".	2		Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc gia: “Phát triển cụm ngành công nghiệp trong điều kiện toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế			Trang 241-254	12/2014
II	Sau khi được công nhận TS							
8	Vũ Đình Khoa , " <i>Năng lực cần thiết của nhân viên môi giới bất động sản</i> ".	1	x	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, ISSN 1859 -3585			Số 34, Trang 114 – 120	06/2016
9	Vũ Đình Khoa , " <i>Rào cản liên kết giữa doanh nghiệp Việt Nam với doanh nghiệp FDI trong cụm ngành công nghiệp điện tử tại Miền Bắc</i> ".	1	x	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, ISSN 1859 -3585.			Số 38, Trang 273 – 284,	02/2017
10	Nguyen Thi Mai Anh, Lei Hui, & Vũ Đình Khoa , " <i>Emerging Economies of Southeast Asia: Achieving and increasing</i>	3		Journal of Business-to-Business Marketing, ISSN: 1051-712X (Print) 1547-0628 (Online).	SSCI, IF=2.0, Scopus	8	Vol.25, No.4, PP.357-	11/2018

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	<i>radical innovations through collaborating with buyers and suppliers by fostering trust: the Case of Viet Nam".</i>			https://doi.org/10.1080/1051712X.2018.1537559 .	Q2 Citescore = 2.2		372,	
11	Mai Anh Thi Nguyen, Hui Lei, Khoa Dinh Vu, Phong Ba Le , " <i>The role of cognitive proximity on supply chain collaboration for radical and incremental innovation: a study of a transition economy</i> ".	4		Journal of Business & Industrial Marketing; ISSN: 0885-8624; https://doi.org/10.1108/JBIM-07-2017-0163 , SSCI.	SSCI, IF=4.3, Scopus Q1 Citescore = 7.6	83	Vol.34, No.3, PP.591-604	01/2019
12	Nguyen Thi Mai Anh, Lei Hui, Vu Dinh Khoa, Sultan Mehmood , " <i>Relational capital and supply chain collaboration for radical and incremental innovation: An empirical study in China</i> ".	4		Asia Pacific Journal of Marketing and Logistics, ISSN: 13555855, 17584248 https://doi.org/10.1108/APJML-10-2018-0423 .	SSCI, IF=5.1, Scopus Q1 Citescore = 8.7	58	Vol. 31 No. 4, PP. 1076-1094	05/2019
13	Vũ Đình Khoa, Nguyễn Thị Mai Anh , " <i>Nghiên cứu vai trò hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp đối với khả năng tuyển dụng của sinh viên sau khi tốt nghiệp</i> ".	2	x	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, P-ISSN 1859 -3585/E-ISSN 2615 -9619.		1	Số 53 Trang 113-119	08/2019

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
14	Tổng Long Giang, Nguyễn Thị Nguyệt Dung, Nguyễn Thị Mai Anh, Vũ Đình Khoa, <i>"Nghiên cứu lòng trung thành của khách hàng đối với sản phẩm quạt điện mang thương hiệu PEC"</i>	4		Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia "Cách mạng công nghiệp lần thứ tư: Khởi nghiệp và phát triển doanh nghiệp Việt Nam" (tại ĐH CNHN), ISBN: 978-604-65-4721-1.			Trang 196-222	01/2020
15	Vũ Đình Khoa, Nguyễn Thị Mai Anh, Trần Thanh Hà, <i>"Nghiên cứu những yếu tố tác động chia sẻ kiến thức giữa các nhân viên kỹ thuật tại công ty công nghệ thông tin".</i>	3	x	Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia "Cách mạng công nghiệp lần thứ tư: Khởi nghiệp và phát triển doanh nghiệp Việt Nam" (tại ĐH CNHN), ISBN: 978-604-65-4721-1.			Trang 257-275	01/2020
16	Vũ Đình Khoa, Nguyễn Thị Mai Anh. <i>"Nghiên cứu ảnh hưởng của vốn xã hội đến đổi mới và hiệu quả chuỗi cung ứng"</i>	2	x	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, P-ISSN 1859 -3585/E-ISSN 2615 - 9619.			Tập 56, số 03 Trang 144-150	06/2020
17	Vũ Đình Khoa, Nguyễn Thị Mai Anh, <i>"Niềm tin, nhận thức trách nhiệm xã hội trong mối quan hệ giữa doanh nghiệp với cơ sở đào tạo nhằm tạo cơ hội việc làm cho sinh viên tốt nghiệp".</i>	2	x	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, P-ISSN 1859 -3585/E-ISSN 2615 - 9619.			Tập 57, số 01 Trang 132-141	Số 01, 02/2021

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
18	Vu Dinh Khoa, Nguyen Thi Mai Anh, <i>"Investigating the impact of social capital on SC resilience and SC performance".</i>	2	x	International Conference on Research in Management and Technovation, DOI: http://dx.doi.org/10.15439/2021KM51		1	Volume 28, PP 197–200	11/2021
19	Nga Nguyen Thi Hong, Khoa Vu Dinh, Thanh Nguyen Dac, <i>"Intention of Vietnamese Enterprises's digital transformation".</i>	3		International Conference on Research in Management and Technovation, DOI: http://dx.doi.org/10.15439/2021KM54		1	Volume 28, PP 169–174	11/2021
20	Vu Dinh Khoa, Nguyen Thi Mai Anh, <i>"Investigating the effect of social capital sub-dimensions on supply chain collaboration".</i>	2	x	International Conference on Research in Management and Technovation, DOI: http://dx.doi.org/10.15439/2021KM27		1	Volume 28, PP 201–206	11/2021
21	Ngo Van Quang, Vu Dinh Khoa, <i>"Research on the Effects of Corporate Social Responsibility on Employee Engagement".</i>	2		Review of Economics and Finance. https://doi.org/10.55365/1923/1923.x2022.20.149	Scopus - Q4 Citescore = 0.12		Vol. 20, No. 1PP 1364-1375	2022
22	Nguyễn Thị Mai Anh, Vũ Đình Khoa, <i>"Nghiên cứu ảnh hưởng của vốn xã hội tới khả năng phục hồi chuỗi cung ứng".</i>	2		Tạp chí Khoa học & Công nghệ, P-ISSN 1859-3585/E-ISSN 2615 - 9619.			Tập 58. Số 05 Trang 155-158	10/2022

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
23	Phong Ba Le, Dat Tho Tran, Thuy Minh Thu Phung, Khoa Dinh Vu , " <i>Leadership and knowledge management practices for frugal innovation of firms in the emerging market: Moderating role of collaborative culture</i> ".	4		Asia-Pacific Journal of Business Administration, ISSN: 1757-4323 https://doi.org/10.1108/APJBA-03-2021-0130	ESCI, IF=4.6, Scopus Q1 Citescore = 9.6	23	Vol. 16 No. 3, PP. 637-654	12/2022
24	Vu Dinh Khoa , Nguyen Thi Mai Anh, " <i>Examining the Relationship Between Supply Chain Integration, Innovation Speed and Supply Chain Performance Under Demand Uncertainty</i> ".	2	x	Engineering Management Journal, https://doi.org/10.1080/10429247.2023.2174766 , SSCI.	SSCI, IF=1.9, Scopus Q2 Citescore = 5.6	12	Vol. 36 No. 1, PP. 14-29,	02/2023
25	Dat Tho Tran, Khoa Vu Dinh(*) , Phong Ba Le, Phuong Thi Lan Tran, " <i>Determinants of Radical and Incremental Innovation: The Roles of Human Resource Management Practices, Knowledge Sharing, and Market Turbulence</i> "	4	x	Interdisciplinary Journal of Information, Knowledge, and Management 18, 203-224, https://doi.org/10.28945/5109 , SSCI	ESCI, IF=3.586, Scopus Q3 Citescore = 2.3	5	Vol. 18 PP 203-224	04/2023
26	Quang Van Ngo, Van Khanh Ha, Khoa Dinh Vu, Dung Nguyen Thi Nguyet ,	9		International Journal of Professional Business Review: Int. J. Prof.Bus.	Scopus Q4	4	Vol. 8 PP. 01-	07/2023

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	Loan Bui Thi Thu, Hung Hai Do, Hoa Bui Thi Phuong, Ninh Truong Thi Thuy, Chung Nguyen Xuan Thi , " <i>Factors influence on promotion mix in e-marketing: case of technology services enterprise in Vietnam</i> ".			Rev., ISSN 2525-3654, ISSN-e 2525-3654, Vol. 8, No 7. DOI: https://doi.org/10.26668/businessreview/2023.v8i7.861	IF= 0.179		17	
27	Vũ Đình Khoa, Lưu Xuân Chính, Nguyễn Thị Mai Anh , " <i>Tác động trí tuệ cảm xúc của lãnh đạo đến hiệu quả kinh doanh</i> "	3	x	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, P-ISSN 1859 -3585/E-ISSN 2615 – 9619		1	Tập 59, số 6C Trang 171-180	12/2023
28	Ngo Van Quang, Vũ Đình Khoa, Nguyen Thi Nguyet Dung, Bui Thi Phuong Hoa, Nguyen Thi Thu Huyen , " <i>Mediating effect of university culture in the relationship between university leadership and employee behaviors</i> ".	5		World Journal of Advanced Research and Reviews, 2024, 22(02), 203–214, https://doi.org/10.30574/wjarr.2024.22.2.1387			Vol. 122 No. 2, PP. 203-214	03/2024
29	Nguyen Thi Mai Anh, Vũ Đình Khoa , " <i>Impact of Reverse Logistics on the Shopping Experience of E-commerce Customers</i> ".	2		Proceedings of the 4th International Conference on Research in Management and Technovation, ISBN978-981-99-8471-8/978-981-99-8472-		1	PP 473–485	04/2024

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
				5. https://doi.org/10.1007/978-981-99-8472-5_44				
30	Vu Dinh Khoa , Nguyen Thi Mai Anh, Tran Cuong, Tran Thi Quy Chinh, "Organizational Democracy and Employee Retention: An Empirical Study in Vietnamese Universities".	4	x	Proceedings of the 4th International Conference on Research in Management and Technovation, ISBN: 978-981-99-8471-8/978-981-99-8472-5. https://doi.org/10.1007/978-981-99-8472-5_35			PP. 377–387	04/2024
31	Vu Dinh Khoa , Ngo Van Quang, Nguyen Thi Nguyet Dung, Bui Thi Phuong Hoa, Nguyen Thi Thu Huyen, "Organizational Culture and Employees' Loyalty: An Emperical Research from an University Context".	5	x	International Journal of Religion; ISSN: 2633-352X (Print) ISSN: 2633-3538 (Online) https://doi.org/10.61707/xz6y4808 .	Scopus Q3 Citescore = 0.8		Volume 05, No6 PP 118–135	04/2024
32	Do Hai Hung , Vu Dinh Khoa , "The impact of equity factors within organizations on the innovative capacity for creativity of university lecturers in Vietnam	2		Quality - Access to Success, 2024, Vol 25, Issue 202, p143, ISSN: 1582-2559. DOI: 10.47750/QAS/25.202.15	Scopus, IF=0.739 Q4 Citescore = 1.4		Vol 25, No 202, PP 143-148	09/2024

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
33	Phong Ba Le, Le Thai Phong, Khoa Dinh Vu , <i>"Leadership practices for pursuing frugal innovation in hotels and restaurants: the roles of knowledge sharing and information technology utilization"</i>	3		Journal of Hospitality and Tourism Insights Issue(s) available: 35; https://doi.org/10.1108/JHTI-07-2024-0703 .	ESCI, IF=4.8, Scopus Q1 Citescore = 8.3	1	From Volume: 1 Issue: 1, to Volume: 8 Issue: 11	01/2025
34	Phong Ba Le, Khoa Dinh Vu (*) , <i>"Knowledge sharing mediates relationship between collaborative culture and innovation performance: the moderating role of absorptive capacity"</i> .	2	x	Journal of Asia Business Studies. ISSN: 1558-7894 https://doi.org/10.1108/JABS-11-2023-0460 , SSCI	ESCI, IF=3.0, Scopus Q2 Citescore = 6.2	3	Vol. 19, No. 1 2025, pp. 272-288	01/2025
35	Pham Ngoc Huong Quynh, Nguyen Van Phuong, Tran Thi Thanh Thuy, Vu Dinh Khoa, Ly Thu Cuc, Tran Thi Mai Thanh, Pham Manh Hung , <i>"Key factors shaping students' intention to choose green industrial products: A Hanoi, Vietnam case study"</i>	7		Multidisciplinary Science Journal 7, no. 8 (2025): pp. 2025401-2025401 (ISSN 2675-1240). https://10.31893/multiscience.2025401 , Scopus	Scopus Q4 Citescore = 0.5		Vol. 7 No8	02/2025

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
36	Khoa Dinh Vu, Huyen Thi Thu Nguyen, <i>"The Impact of Corporate Social Responsibility on Employee Engagement and Intention to Quit: A Survey of Small and Medium Enterprise in Hanoi"</i>	2	x	Proceedings of the 5th International Conference on Research in Management and Technovation, https://doi.org/10.1007/978-981-97-9992-3_9 , ISBN978-981-97-9991-6, Scopus	Scopus		PP 135-151	02/2025

- Trong đó: có **05 bài báo** khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS gồm các bài số:

❖ **Bài thuộc danh mục SSCI, Scopus: 05 bài báo, số thứ tự [24], [25], [31], [34], [36]**

- Bài báo và báo cáo khoa học theo các hướng nghiên cứu sau:

❖ **Hướng nghiên cứu 1:** Số thứ tự [1], [2], [3], [4], [5], [6], [7], [9] (08/36 bài báo).

❖ **Hướng nghiên cứu 2:** Số thứ tự [10], [11], [12], [16], [18], [20], [22], [24], [29] (09/36 bài báo).

❖ **Hướng nghiên cứu 3:** Số thứ tự [[8], [13], [14], [15], [17], [19], [21], [23], [25], [26], [27], [28], [30], [31], [32], [33], [34], [35], [36] (19/36 bài báo).

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích: **Không có**

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS: **Không có**

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao): **Không có**

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS: **Không có**

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Đề án mở ngành Quản trị kinh doanh trình độ Tiến sĩ, mã ngành 9340101	Ủy viên	Quyết định số 1328/QĐ-ĐHCN ngày 24/09/2024 của Hiệu trưởng trường ĐH Công nghiệp Hà Nội V/v Thành lập Hội đồng xây dựng CTĐT Đề án mở ngành Quản trị kinh doanh trình độ tiến sĩ,	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	Quyết định số 1711/QĐ-ĐHCN ngày 27/11/2024 của Hiệu trưởng Trường ĐH Công nghiệp HN V/v Quyết định mở ngành đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Quản trị kinh doanh, mã ngành 9340101	

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
2	Cải tiến chương trình đào tạo Quản trị kinh doanh trình độ Thạc sĩ	Chủ tịch	Quyết định số 116/QĐ-ĐHCN ngày 19/01/2022 của Hiệu trưởng trường ĐH Công nghiệp Hà Nội V/v Thành lập Hội đồng đánh giá, cải tiến chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2022.	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	Quyết định số 1643/QĐ-ĐHCN ngày 30/12/2022 của Hiệu trưởng Trường ĐH Công nghiệp HN V/v Quyết định Ban hành bộ chương trình dạy học trình độ thạc sĩ niên khóa 2022-2024.	
3	Đề án mở ngành Logistics & Quản lý chuỗi cung ứng trình độ Đại học	Tổ trưởng	Quyết định số 1340/QĐ-ĐHCNHN ngày 20/12/2019 của Hiệu trưởng Trường ĐH Công nghiệp HN V/v Thành lập Tổ soạn thảo CTĐT Đại học ngành Logistics & Quản lý chuỗi cung ứng	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	Quyết định số 199/QĐ-ĐHCN ngày 30/03/2020 của Hiệu trưởng Trường ĐH Công nghiệp HN V/v Ban hành bộ CTĐT trình độ đại học ngành Logistics & Quản lý chuỗi cung ứng	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học hay thế: **Không có**

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): **Không**

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu: **Không**

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): **Không**

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:..

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng

ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày ... tháng 06 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Vũ Đình Khoa